

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH
Số: 75 /2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và định mức chi ngân sách nhà nước
thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 1490/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy

định tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này là định mức áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Những nội dung không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Nội dung và định mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 32 triệu đồng/người/tháng và đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng.

b) Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ của cấp tương ứng.

c) Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này được tính theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối

với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ định tại khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia vượt mức quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Tây Ninh, chế độ chi tổ chức hội nghị quốc tế tại Tây Ninh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, Nghị quyết này quy định mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.600	1.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	400	250
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.400	1.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.200	750
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên, Buổi	240	150

4. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nội dung chi và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

5. Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở (nếu có), được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở được quy định tại điểm a khoản 1, Điều 4 Nghị quyết này.

6. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và 150 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 4. Nội dung và định mức chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.200	750
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	500
	Thư ký khoa học		240	150
	Thư ký hành chính		240	150
	Đại biểu được mời tham dự		160	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	350
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		560	350
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400	250
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.440	900

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	750
	Thư ký khoa học		240	150
	Thư ký hành chính		240	150
	Đại biểu được mời tham dự		160	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	500
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.440	900
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.200	750
	Thư ký khoa học		240	150
	Thư ký hành chính		240	150
	Đại biểu được mời tham dự		160	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	500
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.200	750

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Chi công tác phí cho các thành viên Hội đồng: Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND.

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

e) Chi hậu cần phục vụ họp Hội đồng, thuê dịch vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng, thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	500
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560	350
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240	150
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	100

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chi công tác phí của chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng (nếu có): Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND.

4. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

a) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư 02/2023/TT-BKHCN.

5. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh

toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND.

b) Chi tiền công cho hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá): được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

7. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

8. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của tỉnh: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

9. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm

vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 28 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2024.

zh
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.



CHỦ TỊCH

am
Nguyễn Thành Tâm